TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2023/DS-PT
Ngày: 24 - 8 - 2023
"V/v: Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Luông.

Ông Nguyễn Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 và 24 tháng 8 năm 2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2023/TLPT-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023, về "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST, ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2023/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Phạm T, sinh năm 1937.

1.2 Bà Lê N, sinh năm 1939.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn: Ông Nguyễn V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Đường H, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phạm H, sinh năm 1970.

2.2 Bà Khưu N, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn: Luật sư Trương Thanh Việt - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thy - HG, Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Phạm Trung Hưng, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3.2 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số A, phường B, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh T - Chức vụ Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Hậu Giang.

Địa chỉ: Khu vực Q, phường G, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm T, bà Lê N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Phạm T, bà Lê N cùng thống nhất trình bày: Năm 1972, ông T và bà N có nhận chuyển nhượng phần đất diện tích 11.461m^2 thuộc thửa 670, 671, 672, tờ bản đồ số 7, đất tại Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang của Trần Thị Chót (tên thường gọi Tám Bùi). Đến năm 1999, ông Phạm H và bà Khưu N tự ý sang tên ba thửa đất trên. Ngày 28/11/2006, anh Hiền và chị Nguyệt đến mượn 3 thửa đất trên để đứng chủ quyền giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông T và và bà N không đồng nên anh Hiền và chị Nguyệt tự viết giấy tay mượn đất và đơn phương ký tên, chứ ông T và bà N không đồng ý nên không ký tên. Thực tế phần đất trên là ông T và bà N canh tác. Vào tháng 12 năm 2021, ông T và bà N đang canh tác, bất ngờ ông H và bà N nói ba thửa đất trên của ông H và bà N lấy lại không cho ông T, bà N canh tác. Ông T và bà N cho rằng phần đất ông bà chuyển nhượng canh tác từ năm 1972 cho đến nay, không có thừa kế hay tặng cho ông H và ông Nguyệt nên khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết như sau: Buộc ông H và bà N trả lại ba thửa đất gồm thửa 670, 671, 672, tờ bản đồ số 07, tổng diện tích 11.461m^2, đất tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án của Toà án, ngày 25/8/2022 ông T có làm đơn yêu cầu giám định chữ ký xác nhận của ông Phạm T trong Đơn

xin điều chỉnh tên ngày 11/10/1999, để ông Phạm H làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đến ngày 16/9/2022, ông T có đơn không tiếp tục yêu cầu Toà án giám định chữ ký trên.

Bị đơn ông Phạm H và bà Khưu N thống nhất trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha ông Phạm T và mẹ bà Lê N cho vợ chồng vào năm 1992, đến năm 1995 đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999. Vợ chồng đã canh tác từ đó cho đến nay không ai tranh chấp nên việc cha mẹ nói canh tác đất từ năm 1972 đến tháng 12 năm 2021 là không đúng. Năm 2015 do cha mẹ bán hết phần đất tại Nông trường huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên mẹ có lại năn nỉ vợ chồng xin cho canh tác một phần phía trong tại thửa 672 đến năm 2018 thì trả lại cho vợ chồng canh tác. Quá trình canh tác đất, năm 2006 ông Trần M có tranh chấp ranh được chính quyền địa phương giải quyết nhiều lần. Do tranh chấp nhiều năm nói vợ chồng ông không rõ nguồn gốc nên vợ chồng có viết giấy tay vào ngày 28/11/2006 uỷ quyền cha mẹ tham gia hòa giải với ông M, nhưng sau đó không đúng nội dung nên đã huỷ bỏ, vợ chồng cũng tự tranh chấp với ông M. Từ đó đến nay cũng không ai tranh chấp gì với bị đơn.

Đối với phần đất vợ chồng ông, bà trực tiếp canh tác và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích đất là 26.638m^2 gồm các thửa 643, 644, 668, 669, 670, 671, 672 thuộc tờ bản đồ số 7 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00186 vào ngày 18/11/1999. Vợ chồng đã thực hiện các nghĩa vụ thuế nhà nước theo quy định; cha mẹ biết được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cha mẹ biết vì nguồn gốc của cha mẹ cho, quá trình canh tác sử dụng không ai tranh chấp. Năm 2020, thì gia đình ông, bà có hiến phần đất thuộc thửa đất 670, 671 để cho Nhà nước thực hiện dự án đê bao ngăn mặn (giai đoạn 2), ông cũng được hỗ trợ số tiền hoa màu là 29.277.480 đồng. Nay, cha mẹ phát sinh khởi kiện đòi lại đất là do năm 2021 có mâu thuẫn với vợ chồng, nghe lời con cái khởi kiện ông, bà. Nay ông H và bà N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T và bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Trung Hưng thành viên hộ của ông Phạm H trình bày: Phần đất tranh chấp tại các thửa 670, 671, 672, tại Ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang giữa cha mẹ Phạm H và Khưu N cùng ông bà nội Phạm T và Lê N, anh Hưng không có yêu cầu gì trong vụ án. Phần đất cha mẹ đứng tên quyền sử dụng đất do anh là con trong hộ khẩu nhưng không có đầu tư, cải tạo gì. Do điều kiện anh Hưng đi lại khó khăn, đang làm việc tại thành phố

Hồ Chí Minh nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Hưng không khiếu nại về sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có ông Huỳnh T đại diện ý kiến: Hồ sơ khách hàng vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tại Hậu Giang theo hợp đồng tín dụng số 7007-LAV-201901175/HĐTD, ngày 03/5/2019 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vào ngày 15/3/2022 thì ông Phạm H và bà Khưu N có vay số tiền 300.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00186/QSDĐ, cấp ngày 18/11/1999. Khi thực hiện nghĩa vụ thanh toán, khách hàng không có vi phạm hợp đồng. Trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông T và anh Hiền, Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu về khoản nợ vay cũng như về tranh chấp phần đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H đang thế chấp tại Ngân hàng. Nếu có tranh chấp Ngân hàng sẽ kiện thành vụ kiện khác nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình vụ án, không khiếu nại về sau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2023/DS-ST, ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm T và bà Lê N do ông Phạm VN làm đại diện về việc yêu cầu ông Phạm H và bà Khưu N trả lại ba thửa đất số 670, 671, 672 thuộc tờ bản đồ số 7, đất tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và các quyền khác theo quy định pháp luật.

Ngày 04/11/2022, nguyên đơn ông Phạm T và bà Lê N có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét: Sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Phạm H và bà Khưu N trả lại phần đất đo đạc thực tế là 10.334m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu bị đơn trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là 10.334m^2 cho nguyên đơn. Với các căn cứ sau: Tài liệu chứng cứ không được cấp sơ thẩm công khai chưa đầy đủ vi phạm Điều 24 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo nội dung đơn xin điều chỉnh tên cho phù hợp với ngoài thực tế ngày 11/10/1999 chữ ký không phải của ông T nhưng chưa được làm rõ, yêu cầu Toà án xem xét cho giám định chữ ký. Về nguồn gốc đất là của vợ chồng ông T, bà N

nhưng chưa có sự đồng ý của bà N về việc tặng cho tài sản đối với bị đơn. Bản án sơ thẩm nhận định phần đất tranh chấp đã cấp quyền sử dụng đất cho bị đơn và ổn định trực tiếp canh tác không tranh chấp cho đến nay theo quy định của pháp luật đất đai là chưa đúng với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận định bất lợi cho nguyên đơn. Ông Trần M là người làm chứng trực tiếp nhưng chưa được xem xét, đánh giá để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Các bị đơn ông Phạm H và bà Khưu N không thống nhất theo yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Trương Thanh Việt trình bày: Về nguồn gốc phần đất là của nguyên đơn cho bị đơn, 03 thửa đất tranh chấp hộ ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999. Thời điểm nhà nước thực hiện chính sách về đất đai khoảng năm 1995 phía ông T đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất trước nhưng không đăng ký kê khai các thửa đất đang tranh chấp, đồng thời khi Nhà nước thực hiện dự án đê bao ngăn mặn có bồi thường giá trị hoa màu trên phần đất tranh chấp thì ông T và ông H cùng nhận tiền trên phần đất mình đang sử dụng không có phát sinh tranh chấp, điều này chứng minh được rằng sự việc nguyên đơn cho đất bị đơn là có thật. Cấp sơ thẩm đã thực hiện việc công khai chứng cứ đầy đủ đúng trình tự pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Phạm T và bà Lê N có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273, Điều 274, Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Theo Mãnh trích đo đạc địa chính số 81/2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên đo đạc Tấn Lộc Thành ngày 01/8/2022, thì phần đất tranh chấp có diện tích thực tế là 10.332,4m^2 tại thửa 670, 671, 672 thuộc tờ bản đồ số 7, đất tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

[3] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp các đương sự thống nhất của ông Phạm T và bà Lê N.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của ông T, bà N có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của ông T tại đơn xin điều chỉnh tên cho phù hợp với ngoài thực tế ngày 11/10/1999 trên sổ mục kê để ông H làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất. Xét thấy, mục đích giám định để xác định thời điểm ông H làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất ông T không ký điều chỉnh tên trên sổ mục kê từ ông T sang cho ông H. Tuy nhiên, theo biên bản thẩm tra ngày 10/11/1999 của Ủy ban nhân dân xã H (bút lụt 106) xác định: Vào năm 1994, đoàn đo đạc không xác định rõ chủ sử dụng nên để phần đất của ông H cho ông T đứng trên tên trong sổ mục kê nhưng trên thực tế thì ông H canh tác, quản lý ổn định từ trước đến nay. Xét thấy, trước khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan có thẩm quyền đã thẩm tra, xác minh phần đất tranh chấp đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đất đai thì ông H đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý sử dụng ổn định. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông T có yêu cầu giám định chữ ký nhưng đã tự nguyện rút lại đơn (bút lục 133), kết quả giám định chữ ký không phải là chứng cứ duy nhất để đánh giá giải quyết vụ án, do đó yêu cầu giám định chữ ký tại cấp phúc thẩm theo yêu cầu của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là không cần thiết nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3.1] Xét thấy, vào thời điểm năm ông Phạm T có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 656, 662, 663 thuộc tờ bản đồ số 7, tổng diện tích là 6.897m^2, đất tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, đến ngày 01/02/1996, được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000147/QSDĐ, tên ông Phạm T. Ông Phạm H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 1995, hồ sơ gồm: Đơn kê khai đăng ký các thửa đất gồm 643, 644, 668, 669, 670, 671, 672 thuộc tờ bản đồ số 7, tổng diện tích là 26.638m^2, đất tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999.

[3.2] Qua hồ sơ kê khai đăng ký các thửa đất nêu trên, cho thấy ông T đã không kê khai 03 thửa đất tranh chấp trên mà cho con là Phạm H kê khai đăng ký và được Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00186/QSDĐ cho hộ ông Phạm H vào ngày 18/11/1999. Từ năm 1992 cho đến nay thì ông H cùng vợ bà N trực tiếp canh tác không phát sinh tranh chấp hay có khiếu nại gì về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H.

Qua kết quả xác minh những người làm chứng tại địa phương cũng xác nhận ông H và bà N trực tiếp canh tác đất, ông T và bà N không có canh tác phần đất tranh chấp trên như trình bày. Đồng thời vào năm 2019, thực hiện dự án: Hệ thống đê bao ngăn mặn Long Mỹ - Vị Thanh giai đoạn 2, phần đất tranh chấp bị ảnh hưởng bởi dự án, Nhà nước đã phê duyệt phương án, bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho ông Phạm H được hỗ trợ số tiền 29.277.480 đồng, đại diện ông T cũng xác định biết được việc ông H nhận số tiền trên từ phần đất tranh chấp nhưng không có ý kiến. Do đó, việc ông H và bà N trình bày ổn định trực tiếp canh tác là có căn cứ.

[3.3] Đối với chứng cứ là "tờ giấy tập lập ngày 28/11/2006" có chữ ký của ông H và bà N, nguyên đơn có cung cấp, giao nộp cho Tòa án nội dung ông H viết như sau: "Vừa rồi có đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ba thửa, trong khi đó: Phạm H chủ quyền, vợ thừa kế quyền sử dụng đất. Nay vợ chồng tôi có đăng ký chung một thửa đất giáp với ông chú hai M là của Tía má tôi, từ đây về sau tía má tôi canh tác, nếu có gì xảy ra vợ chồng chịu trách nhiệm trước pháp luật". Phía bị đơn cho rằng nội dung viết trên để cha mẹ đi giải quyết tranh chấp ranh với ông Trần M vào năm 2006, vì cha mẹ rõ nguồn gốc nên mới lập giấy tay trên, từ khi viết cho đến nay cũng không có tranh chấp và cha mẹ cũng không lấy lại đất canh tác. Xét thấy ý kiến của ông H trình bày về việc lập tờ giấy tay ngày 28/11/2006 để cha mẹ giải quyết tranh chấp ranh với ông M là có cơ sở. Vì tờ tường trình lập ngày 29/8/2022 và đơn xác nhận chữ ký ngày 08/3/2023 của ông T cung cấp cho Tòa án, có những thành viên giải quyết tranh chấp ranh với ông Trần M gồm ông Phạm N và ông Nguyễn S nội dung đều xác định ngày 28/11/2006 giải quyết tranh chấp ranh với ông Trần M, từ đó cho thấy lời trình bày của ông H là phù hợp. Cho nên lời khai của người làm chứng ông Trần M từng có mâu thuẫn tranh chấp về ranh đất với bị đơn không thể làm chứng khách quan trong vụ án này.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy ông Phạm T và bà Lê N là người kháng cáo nhưng không chứng minh được yêu cầu kháng cáo của ông, bà là có cơ

sở. Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm T và bà Lê N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 9, 101, 166, 170, 202, 203 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm T và bà Lê N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm T và bà Lê N do ông Phạm Văn Nguyên làm đại diện về việc yêu cầu anh Phạm H và chị Khưu N trả lại ba thửa đất số 670, 671, 672 thuộc tờ bản đồ số 7, đất tại ấp T, xã H, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Phạm T và bà Lê N theo quy định.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 15.635.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Buộc ông Phạm T và bà Lê N nộp (đã nộp xong).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm T và bà Lê N được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ông Phạm T được nhận lại 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Phạm T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0001971 ngày 06/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Bà Lê N được nhận lại 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0001972 ngày 06/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 24/8/2023.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang
- TAND TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quốc Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh **Hồ Văn Luông** **Dương Quốc Tuấn**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang
- TAND TP. Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP. Vị Thanh;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Quốc Tuấn